

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/DS-PT

Ngày: 01-02-2023

V/v tranh chấp: “Yêu cầu chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 424/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

2. Chị Lê Thị N1, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Lê P, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

2. Lê Thị Anh T, sinh năm 2001 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Lê T1, sinh năm 2005 (xin vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Lê T1:

3.1. Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

3.2. Chị Lê Thị N1, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Bà có phần đất thổ liên kề sát với hộ anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị N1. Anh N đã cất nhà tháng 02/2014 liên tục cho nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi xuống con mương của bà nằm cặp theo đất anh N, con mương này thông ra kênh T6, con mương này do cha mẹ bà đào trước năm 1975 dọc theo nền đất của cha anh N mà hiện nay anh N, chị N1 đang quản lý. Hiện nay vợ chồng anh N lấp dần con mương đoạn giáp lộ nhựa (Huyện lộ 18), đoạn phía sau nhà anh N giáp với con mương của bà, anh N đã đổ đất lấp qua con mương của bà cạn dần và nhỏ đi.

Trước khi bà khởi kiện anh N, chị N1 thì gia đình anh N đổ nước thải sinh hoạt và chăn nuôi ra con mương của bà. Sau khi bà thừa vợ chồng anh N thì vợ chồng anh N có xây 01 ụ thoát nước thải sát con mương của bà (ụ thoát nước nằm trên đất anh N cách con mương của bà khoảng 01m) vào khoảng gần lễ 30/4/2022 nhưng bà thường xuyên thấy vợ chồng anh N rút ống dẫn nước thải xả ra con mương của bà. Vào mùa khô thì con mương không có nước nhưng mùa mưa thì con mương có nước và nước thải gia đình anh N xả ra con mương gây ô nhiễm môi trường.

Cuối năm 2020, gia đình anh N mổ thịt heo bị bệnh dịch tả Châu Phi tung nước xả xuống mương của bà sát chuồng đang nuôi heo, biết tin heo bị bệnh nên bà bán liền 01 con heo nái vì sợ heo nhà bà bị lây bệnh.

Nay bà yêu cầu anh N, chị N1 phải chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi xuống con mương nhà bà. Ngoài ra, bà yêu cầu anh N, chị N1 phải bồi thường thiệt hại về hành vi xả nước thải sinh hoạt và chăn nuôi ra con mương của bà từ năm 2014 đến năm 2021 với số tiền 12.000.000 đồng/năm, 08 năm là 96.000.000 đồng. Bà yêu cầu anh N, chị N1 bồi thường số tiền 96.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:*

Trong vụ kiện xả nước thải sinh hoạt và nước thải chăn nuôi sang mương bà Nguyễn Thị X thì nước thải sinh hoạt của nhà anh có đào hố cho vào và anh có nuôi 02 con heo rừng khoảng 10kg/01 con không có nước thải. Phần nước thải chăn nuôi heo của bà X xả ra mương gây hôi thối rồi đổ lỗi cho anh là không đúng.

Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X về việc yêu cầu anh và chị N1 chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi sang con

mương trên đất bà X và không đồng ý yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 96.000.000 đồng của bà X.

** Bị đơn chị Lê Thị N1 trình bày:*

Nền đất có nhà của chị cao hơn đất phía bà X khoảng 01m, xung quanh đã rào lưới B40, gia đình chị không có chẵn nuôi xả nước thải xuống con mương nhà bà X vì giáp ranh đất của chị là con mương nhà bà X, thực tế con mương này là phần đất trũng hơn đất bà X một tí và không có nước. Gia đình chị có đào một hố và có ống dẫn nước để thải nước sinh hoạt của gia đình vào hố này chứ không có xả trực tiếp xuống con mương của bà X. Cái hố này cách con mương của bà X khoảng 01m.

Gia đình chị không có chẵn nuôi quy mô lớn mà chỉ có nuôi vài con gà và 01 – 02 con heo mọi nhỏ nhưng không có xả thải xuống con mương này.

Với yêu cầu khởi kiện của bà X thì chị không đồng ý bởi vì gia đình chị không có xả nước thải xuống con mương này, chị cũng không đồng ý yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 96.000.000 đồng như bà X yêu cầu.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê P, Lê Thị Anh T và Nguyễn Lê T1 trình bày:*

Các anh chị là người trong hộ của Nguyễn Thanh N và Lê Thị N1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X các anh chị thống nhất ý kiến của cha mẹ các anh chị đã trình bày.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 251, Điều 584, Điều 602 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị N1 chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chẵn nuôi qua con mương trên thửa đất số 193, tờ bản đồ 19, diện tích 1.155,2m², địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/01/2022 cho bà Nguyễn Thị X.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị N1 bồi thường thiệt hại do hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chẵn nuôi gây ô nhiễm với số tiền 96.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 07/7/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Nguyễn Thanh N bồi thường thiệt hại do anh N thải nước sinh hoạt cùng nước thải chẵn nuôi và phân heo ra mương của bà từ lúc cất nhà năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm căn cứ các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà X kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh N, chị Lê Thị N1 chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chần nuôi qua con mương trên bất động sản của bà X và yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 96.000.000 đồng. Án sơ thẩm xác định đây là tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chần nuôi và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 251, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thanh N, chị Lê Thị N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Lê P, Lê Thị Anh T, Nguyễn Lê T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh N, chị N1, anh Phương, chị Thư và anh Tuấn.

[4] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị X đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm bà X có yêu cầu Tòa án triệu tập ông Thạch Văn H là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, ông Nguyễn Ngọc T1 là Cán bộ địa chính xã Đ, ông Nguyễn Hoàng T2 là Công an xã Đ, huyện G cho rằng có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà. Xét thấy ông H, T1, T2 là cán bộ xã Đ, là người thực hiện chức trách nhiệm vụ của địa phương theo quy định của pháp luật; đối với vụ án của bà X là kiện yêu cầu ông Nam, bà Nhung chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt và bồi thường thiệt hại; các ông H, T1, T2 không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà X nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải triệu tập đến dự phiên tòa.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà X không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và yêu cầu khởi kiện của bà X không phù hợp với hiện trạng mà Tòa án đã xác minh (tại Biên bản xác minh ngày 07/6/2022).

Biên bản xác minh ngày 07/6/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện: Hiện trạng đất của anh N là đất nền cao hơn đất bà X khoảng 01 mét, xung quanh đất anh N đã rào lại, bên giáp ranh bà X có kéo lưới B40. Phía sau nhà anh N có nuôi 02 con heo mọi trong chuồng và vài con gà, chuồng heo xả thải ra phía sau chuồng không có giáp với đất bà X. Anh N có đào 01 ụ để thoát nước sinh hoạt (ụ đào đất không có xây bê tông xung quanh, đường kính dưới 01 mét do nhà tự đào), ụ đất cách ranh đất 02 bên 01 mét. Phần đất có ụ đất giáp với đất bà X không có nước chảy qua đất bà X, ụ nước này chứa nước sinh hoạt của gia đình anh N. Hiện trạng con mương trên phần đất bà X từ đầu lộ nhựa huyện lộ vào đến hết phần đất nền mà bà X đã rào lưới B40 thì có nước thấp nằm trong lòng con mương này. Điểm ranh đất nền của bà X ra đất lúa giáp với bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thanh N phần con mương nổi vào đất cao hơn và không có nước, tại vị trí này không có ống nước xả thải nào của anh N xả thải qua đất của bà X. Hiện trạng đất của bà X cấp huyện lộ phần giáp ranh giữa bà X và anh N là con mương lạng, con mương có nước thấp, cách con mương 03 mét có chuồng heo của bà X và chuồng heo thoát nước xuống con mương này, có dòng chảy và ống xả thải trên đất. Con mương trên đất bà X nổi ra kênh T6 nhưng kênh T6 đã lấp lại để làm lộ (có đèn bù cho người dân nào có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Việc gia đình anh N, chị N1 cùng các thành viên trong hộ đưa nước thải sinh hoạt thoát vào ụ trên đất của anh N không chảy tràn sang bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề theo quy định tại Điều 251 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X về việc buộc anh N, chị N1 chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chắt nuôi qua con mương trên đất của bà X là có căn cứ. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X về việc buộc anh N, chị N1 chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chắt nuôi qua con mương trên đất của bà X nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bà X khởi kiện yêu cầu anh N, chị N1 phải bồi thường thiệt hại do hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chắt nuôi gây ô nhiễm từ năm 2014 đến năm 2021, mỗi năm 12.000.000 đồng, thời gian 08 năm là 96.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà X kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 251, Điều 584 và Điều 602 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị N1 chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi qua con mương trên thửa đất số 193, tờ bản đồ 19, diện tích 1.155,2m², địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS10581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 13/01/2022 cho bà Nguyễn Thị X.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X yêu cầu anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Thị N1 bồi thường thiệt hại do hành vi xả nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi gây ô nhiễm với số tiền 96.000.000 đồng.

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn nộp án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên